

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi
năm 2023 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 06/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sóc Trăng (Tờ trình số 244/TTr-SNN ngày 27/10/2023).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi (giá không có thuế giá trị gia tăng) năm 2023 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

Stt	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị tính	Mức giá
1	Đất trồng lúa		
a	Tưới tiêu bằng động lực	Đồng/ha/vụ	1.055.000
b	Chỉ tạo nguồn, tưới tiêu bằng trọng lực	Đồng/ha/vụ	292.800
c	Lợi dụng thủy triều để tưới tiêu	Đồng/ha/vụ	512.400
d	Tưới tiêu bằng trọng lực kết hợp động lực hỗ trợ	Đồng/ha/vụ	824.000
2	Đất trồng mạ, rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày (mức giá 40% đất trồng lúa)		
a	Tưới tiêu bằng động lực	Đồng/ha/vụ	422.000
b	Chỉ tạo nguồn, tưới tiêu bằng trọng lực	Đồng/ha/vụ	117.120
c	Lợi dụng thủy triều để tưới tiêu	Đồng/ha/vụ	204.960
d	Tưới tiêu bằng trọng lực kết hợp động lực hỗ trợ	Đồng/ha/vụ	329.600
3	Đất trồng cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, cây dược liệu (mức giá 80% đất trồng lúa)	Đồng/ha/năm	
a	Tưới tiêu bằng động lực	Đồng/ha/vụ	844.000
b	Chỉ tạo nguồn, tưới tiêu bằng trọng lực	Đồng/ha/vụ	234.240
c	Lợi dụng thủy triều để tưới tiêu	Đồng/ha/vụ	409.920
d	Tưới tiêu bằng trọng lực kết hợp động lực hỗ trợ	Đồng/ha/vụ	659.200
4	Đất nuôi thủy sản	Đồng/m ² mặt thoáng/năm	125
5	Đất làm muối		02% giá trị muối thành phẩm
6	Cấp nước cho chăn nuôi		
a	Bằng biện pháp công trình bơm	Đồng/m ³	1.320
b	Bằng biện pháp công trình kênh, cống	Đồng/m ³	900

Điều 2.

1. Tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi; tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; chủ sở hữu và các cơ quan quản lý công trình thủy lợi; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan có trách nhiệm áp dụng mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo Quyết định này.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

3. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các địa phương, các tổ chức, cá nhân, đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và được áp dụng cho ngân sách cả năm 2023.

Điều 4. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các sở, ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các Bộ: Tài chính, NN&PTNT;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- VP ĐDBQH & HĐND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trang TTĐT VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT, TH, XD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vương Quốc Nam